

Phụ lục

**GIAO SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP, CÁC TỔ CHỨC HỘI
CỦA TỈNH NAM ĐỊNH NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 5 năm 2022 của UBND tỉnh Nam Định)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC GIAO NĂM 2022												
		Tổng số lượng người làm việc trong ĐVSNCL do NSNN bảo đảm chi thường xuyên và ĐVSNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, các tổ chức hội của tỉnh Nam Định năm 2022	Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước năm 2022						Hội	Số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp năm 2022				
			Tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ NSNN trong ĐVSNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và ĐVSNCL do NSNN bảo đảm chi thường xuyên năm 2022	Trong đó						Tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp trong ĐVSNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên năm 2022	Trong đó			
				SN Giáo dục	SN y tế tuyến tỉnh, huyện	SN văn hóa	SN Khác	SN y tế xã, phường thị trấn			SN giáo dục	SN y tế	SN văn hoá	SN khác
	TỔNG CẢ TỈNH	31.687	30.312	26.537	671	560	934	1.610	65	1375	0	1375	0	0
I	Khối Sở, Ban, Ngành	8.179	6.906	3.740	671	338	547	1.610	0	1.273	0	1.273	0	0
1	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	0	0											
2	Văn phòng UBND tỉnh	13	13				13							
4	Sở Nội vụ	15	15				15							
5	Sở Nông nghiệp và PTNT	262	262				262							
6	Sở Công Thương	15	15				15							
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	0	0											
8	Sở Tài chính	0	0											
9	Sở Xây dựng	0	0											
10	Sở Giao thông vận tải	0	0											
11	Sở Khoa học và Công nghệ	0	0											
12	Sở Lao động, Thương binh và XH	180	180				180							

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC GIAO NĂM 2022												
		Tổng số lượng người làm việc trong ĐVSNNCL do NSNN bảo đảm chi thường xuyên và ĐVSNNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, các tổ chức hội của tỉnh Nam Định năm 2022	Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước năm 2022						Hội	Số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp năm 2022				
			Tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ NSNN trong ĐVSNNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và ĐVSNNCL do NSNN bảo đảm chi thường xuyên năm 2022	Trong đó						Tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp trong ĐVSNNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên năm 2022	Trong đó			
				SN Giáo dục	SN y tế tuyến tỉnh, huyện	SN văn hóa	SN Khác	SN y tế xã, phường thị trấn			SN giáo dục	SN y tế	SN văn hoá	SN khác
13	Sở Giáo dục và Đào tạo	3.355	3.355	3.355										
14	Sở Y tế	3.603	2.330	49	671			1.610		1273		1273		
15	Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch	263	263			263								
16	Sở Tư pháp	18	18				18							
17	Sở Tài nguyên và Môi trường	24	24				24							
18	Sở Thông tin Truyền thông	20	20				20							
19	Thanh tra tỉnh	0	0											
20	Ban quản lý các khu công nghiệp	0	0											
21	Trường Cao đẳng VHNT và Du lịch ND	42	42	42										
22	Trường CĐ Kỹ thuật Công nghệ Nam Định	294	294	294										
23	Đài Phát Thanh và Truyền hình tỉnh	75	75			75				0				
II	Khối huyện, thành phố	23.172	23.172	22.797	0	222	153	0	25	0	0	0	0	0
1	Thành phố Nam Định	2.381	2.381	2.293		42	46		3					
2	Huyện Mỹ Lộc	908	908	884		15	9		2					
3	Huyện Vụ Bản	1.664	1.664	1.637		18	9		4					
4	Huyện Ý Yên	3.135	3.135	3.098		23	14		2					
5	Huyện Nghĩa Hưng	2.455	2.455	2.422		21	12		3					
6	Huyện Nam Trực	2.429	2.429	2.394		19	16		2					

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC GIAO NĂM 2022											
		Tổng số lượng người làm việc trong ĐVSNCL do NSNN bảo đảm chi thường xuyên và ĐVSNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, các tổ chức hội của tỉnh Nam Định năm 2022	Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước năm 2022						Hội	Số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp năm 2022			
			Tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ NSNN trong ĐVSNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và ĐVSNCL do NSNN bảo đảm chi thường xuyên năm 2022	Trong đó						Tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp trong ĐVSNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên năm 2022	Trong đó		
				SN Giáo dục	SN y tế tuyến tỉnh, huyện	SN văn hóa	SN Khác	SN y tế xã, phường thị trấn			SN giáo dục	SN y tế	SN văn hoá
7	Huyện Trực Ninh	2.287	2.287	2.261		17	9		2				
8	Huyện Hải Hậu	3.325	3.325	3.289		24	12		2				
9	Huyện Xuân Trường	2.202	2.202	2.171		22	9		2				
10	Huyện Giao Thủy	2.386	2.386	2.348		21	17		3				
III	Biên chế Hội cấp tỉnh	39	39						39				
1	Hội Văn học nghệ thuật	8	8						8				
2	Hội Chữ thập đỏ	10	10						10				
3	Hội Đông y	3	3						3				
4	Liên minh Hợp tác xã	10	10						10				
5	Hội Làm vườn	1	1						1				
6	Hội Người mù	5	5						5				
7	Đoàn Luật sư	0	0						0				
8	Hội Nhà báo	2	2						2				
IV	Dự phòng	336	234				234		1	102		102	